

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2020/DS-PT

Ngày: 23-12-2020

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự
vay tài sản và tranh chấp Hợp đồng
góp vốn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Bà Lê Thị Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đạt Nguyên - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp vốn”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 38/2020/DS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2306/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị TH, sinh năm: 1968; cư trú tại số 404 tổ dân phố YB, thị trấn DV, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê XT, sinh năm: 1966; cư trú tại số 37, tổ 9, Quốc lộ 20, thôn PN, xã HT, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 716, quyền số 02TP/CC-SCT do Văn phòng công chứng chứng thực ngày 12/9/2019), có mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Lê NH, sinh năm: 1982, bà Nguyễn HP, sinh năm 1982; cùng cư trú tại thôn TT, xã TV, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Dương DN, sinh năm: 1974; cư trú tại số 66, thôn TD, xã TH, huyện X, tỉnh Lâm Đồng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 8411, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng NMA chứng nhận ngày 17/12/2020), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đào Nguyễn AT, sinh năm: 1993; cư trú tại số 404, tổ dân phố YB, thị trấn DV, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Lê CN, sinh năm 1993; cư trú tại số 66/11, tổ dân phố 4, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn HH, sinh năm: 1968; cư trú tại số 22 cũ, XVNT, Phường A, thành phố Z, tỉnh Lâm Đồng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ PK; địa chỉ thôn TT, xã TV, huyện X, Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn HP, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị TH - Nguyên đơn.

Vợ chồng ông Lê NH, bà Nguyễn HP - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 16/7/2019 của bà Nguyễn Thị TH, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng của ông Lê XT, người đại diện theo ủy quyền của bà TH, thì: Bà Nguyễn Thị TH là di ruột của bà Nguyễn HP; ông Lê NH là chồng của bà HP. Bà TH đã cho vợ chồng ông NH, bà HP cho vay tiền 03 lần, cụ thể: lần 1 vào ngày 12/02/2017 (16/01/2017 Âm lịch) bà TH cho ông NH, bà HP vay 170.000.000đ; lần 2 bà TH cho ông NH, bà HP cho vay sau lần thứ nhất khoảng hơn 1 tháng với số tiền là 300.000.000đ; lần thứ 3 là vào ngày 28/12/2017 bà TH cho ông NH, bà HP vay 400.000.000đ. Tổng số tiền bà TH cho vợ chồng ông NH, bà HP vay là 870.000.000đ. Lý do không ghi giấy vay tiền khi cho vay mà ghi hợp đồng góp vốn là vì khi đưa tiền bà TH đã yêu cầu ra Văn phòng công chứng để làm hợp đồng thì bà HP nói rằng dấu của Công ty cũng có giá trị như dấu của Văn phòng công chứng, do không hiểu biết nên bà TH đồng ý các bên làm hợp đồng góp vốn. Bản chất của sự việc là ông NH, bà HP vay tiền của bà TH, là quan hệ giữa cá nhân với nhau chứ không phải là quan hệ góp vốn công ty, bà TH không phải là thành viên công ty. Bà TH đã yêu cầu vợ chồng ông NH, bà HP trả nợ nhiều lần, ngày 30/4/2018 đã trả 120.000.000đ; ngày 30/5/2018 trả thêm 130.000.000đ; ngày 01/12/2018, bà HP cầm trù quán LC số tiền 200.000.000đ, tổng cộng bà HP đã trả số tiền là 450.000.000đ. Nay bà TH yêu cầu Tòa án giải

quyết buộc ông Lê NH, bà Nguyễn HP trả số tiền gốc là 420.000.000đ, lãi 0,75%/tháng tính từ ngày chốt nợ 06/12/2018 đến ngày Tòa án giải quyết dứt điểm vụ án.

- Theo lời trình bày của ông Dương DN, người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông Lê NH, bà Nguyễn HP, thì: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ PK (gọi tắt là Công ty PK), có địa chỉ trụ sở tại thôn TT, xã TV, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801343026, đăng ký lần đầu ngày 06/6/2017, do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Nguyễn HP. Sau khi thương lượng thỏa thuận, bà Nguyễn Thị TH (là di ruột của bà HP) đồng ý tham gia góp vốn làm ăn với Công ty với tổng số tiền là 870.000.000đ. Hai bên đã lập hợp đồng góp vốn số 01/HĐGV không ghi ngày tháng chỉ đề năm 2017. Bà TH đã góp số tiền 870.000.000đ nhưng Công ty chưa làm thủ tục thay đổi thành viên của Công ty, không làm thủ tục tăng vốn điều lệ theo quy định, không làm thủ tục tiếp nhận vốn góp của thành viên mới, nội dung hợp đồng: Hai bên cùng nhau hợp tác khai thác sản phẩm của Công ty và phân chia lợi nhuận. Tuy nhiên, sau đó việc kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, dự án đầu tư kinh doanh không được cơ quan nhà nước chấp thuận dẫn đến việc chi phí đầu tư không thu hồi được, kinh doanh thua lỗ, không có lợi nhuận, mất khả năng chi trả. Khi đó bà TH đã yêu cầu Công ty trả lại phần vốn góp cùng với lợi nhuận trong thời gian góp vốn. Tổng số tiền bà TH đã nhận lại là 450.000.000đ. Hiện tại, Công ty còn nợ bà TH số tiền là 420.000.000đ. Thực tế, sau khi bà TH góp vốn, Công ty liên tục thua lỗ, không có lợi nhuận, do đó đến nay Công ty cũng đã ngừng hoạt động, trụ sở không còn và cũng đã thông báo với cơ quan thuế về việc công ty ngừng hoạt động. Việc Công ty nhận tiền góp vốn của bà TH, tuy nhiên bà TH không phải là thành viên của Công ty nhưng Công ty là của gia đình nên việc nhận tiền góp vốn và trả tiền vốn góp không tuân theo chứng từ giao dịch kế toán. Nay bà TH khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lê NH, bà Nguyễn HP trả lại phần vốn góp là 420.000.000đ thì bị đơn không đồng ý mà Công ty PK phải có trách nhiệm trả lại phần vốn góp cho bà TH.

- Theo lời trình bày của anh Đào Nguyễn AT thì: Anh là con của bà TH, giao dịch giữa bà TH và vợ chồng ông NH, bà HP cụ thể như thế nào thì anh không biết, việc bà TH có ghi tên anh trong hợp đồng góp vốn với vợ chồng ông NH, bà HP anh cũng không biết. Sau khi mẹ anh và bị đơn ký hợp đồng với nhau xong, mang hợp đồng về cho anh xem thì anh mới biết. Do đó, qua yêu cầu khởi kiện của bà TH đối với vợ chồng ông NH, bà HP thì về phần quyền lợi của anh thì anh không có ý kiến gì, yêu cầu vợ chồng ông NH, bà HP trả cho mẹ anh số tiền 420.000.000đ. Ngoài ra, anh không có ý kiến và không yêu cầu gì khác.

- Theo lời trình bày của anh Lê CN thì: Anh là cháu ruột của bà Nguyễn Thị TH, bà TH là chị của mẹ anh; đồng thời anh cũng là em họ của bà Nguyễn HP. Năm 2017 anh có đi cùng bà HP đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng để ký thủ tục thành lập Công ty PK; thực tế anh không đóng góp vốn gì để thành lập Công ty, khi thành lập thì theo anh được biết có 03 thành viên là bà Nguyễn HP, ông Nguyễn HH (anh ruột của bà HP) và anh, người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Nguyễn HP. Vốn điều lệ là 6.000.000.000đ. Sau khi thành lập Công ty thì do anh chỉ ký thủ tục thành lập Công ty cho bà HP trên danh nghĩa chứ anh không góp bất kỳ khoản tiền nào nên Công ty PK hoạt động như thế nào anh không biết, bà HP cũng không thông báo về tình hình hoạt động của Công ty cho anh. Bà HP chưa bao giờ thông báo cho anh về việc thay đổi thành viên của Công ty, anh cũng chưa bao giờ nhận được thông tin từ bà HP về việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty. Việc bà TH đưa tiền cho vợ chồng ông NH, bà HP cụ thể như thế nào, bao nhiêu tiền, thời điểm nào, mục đích đưa tiền để làm gì thì anh không biết; việc vợ chồng ông NH, bà HP nhận tiền của bà TH để hoạt động cho Công ty hay chi tiêu cá nhân vợ chồng ông NH, bà HP anh cũng không biết. Khoảng tháng 10/2019, bà TH mới nói cho anh biết bà đã đưa tiền cho vợ chồng ông NH, bà HP vay số tiền 870.000.000đ để làm ăn, sau đó vợ chồng ông NH, bà HP đã trả bớt, còn nợ lại hơn 400.000.000đ không trả cho bà TH. Anh không liên quan đến số tiền bà TH đã đưa cho vợ chồng ông NH, bà HP, đó là giao dịch giữa bà TH với bị đơn, không liên quan đến anh. Anh cũng không liên quan đến hợp đồng góp vốn ghi ngày 25/6/2017 giữa bà Nguyễn Thị TH với vợ chồng ông NH, bà HP. Nay bà Nguyễn Thị TH khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông NH, bà HP phải có trách nhiệm trả cho bà TH số tiền gốc là 420.000.000đ và tiền lãi thì anh xác định sự việc trên không liên quan đến anh, anh không có ý kiến không có yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Theo lời trình bày của ông Nguyễn HH thì: Năm 2017 ông cùng em gái là bà Nguyễn HP và anh Lê CN đến Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng để đăng ký thủ tục thành lập Công ty PK, ông góp vốn với số tiền 1.200.000.000đ. Anh Nghĩa không có tiền nên ông đã góp thêm phần của anh Nghĩa là 1.200.000.000đ. Phần vốn còn lại là của bà HP và bà TH, trong quá trình làm ăn không thuận lợi nên từ năm 2018 đến nay Công ty ngừng hoạt động. Việc bà TH góp vốn với bà HP thì cụ thể như thế nào ông không biết nhưng ông biết bà TH có đưa tiền cho bà HP để góp vốn làm ăn với số tiền là khoảng 800.000.000đ để làm ăn chia theo sản phẩm là lợi nhuận trong năm 2017. Đến nay bà TH biết Công ty gặp khó khăn nên chủ động rút vốn góp với Công ty. Ông không biết giữa bà TH với vợ chồng ông NH, bà HP có lập hợp đồng góp vốn hay không thì ông không biết. Nay bà TH khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông NH, bà HP phải trả số tiền 420.000.000đ cho bà TH và tiền lãi suất thì theo ông khi đã cùng nhau góp vốn làm ăn thì lời ăn lỗ chịu còn sự việc trên không liên quan gì đến ông nên ông không có yêu cầu gì.

- Theo lời trình bày của bà Nguyễn HP, người đại diện theo pháp luật của Công ty PK, thì: Công ty PK có địa chỉ trụ sở tại thôn TT, xã TV, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801343026, đăng ký lần đầu ngày 06/06/2017, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà. Sau khi thương lượng thỏa thuận, bà Nguyễn Thị TH (là di ruột của bà HP) đồng ý tham gia góp vốn làm ăn với Công ty với tổng số tiền là 870.000.000đ. Hai bên đã lập hợp đồng góp vốn số 01/HĐGV không ghi ngày tháng chỉ đề năm 2017. Bà TH đã góp đủ số tiền 870.000.000đ nhưng Công ty chưa làm thủ tục tăng vốn điều lệ theo quy định, nội dung hợp đồng: Hai bên cùng nhau hợp tác khai thác sản phẩm của công ty và phân chia lợi nhuận. Tuy nhiên, sau đó việc kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn, dự án đầu tư kinh doanh không được cơ quan nhà nước chấp thuận dẫn đến việc chi phí đầu tư không thu hồi được, kinh doanh thua lỗ, không có lợi nhuận, mất khả năng chi trả. Khi đó tôi đã yêu cầu Công ty trả lại phần vốn góp cùng với lợi nhuận trong thời gian góp vốn. Tổng số tiền bà TH đã nhận lại là 480.000.000đ. Thực tế sau khi bà TH góp vốn, Công ty liên tục thua lỗ, không có lợi nhuận, do đó đến nay Công ty cũng đã ngừng hoạt động, trụ sở không còn và cũng đã thông báo với cơ quan thuế về việc công ty ngừng hoạt động nhưng chưa làm thủ tục giải thể, phá sản doanh nghiệp theo quy định pháp luật. Nay bà TH khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông NH, bà HP trả lại phần vốn góp là 420.000.000đ thì Công ty PK có ý kiến như sau: Công ty PK là loại hình doanh nghiệp chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi phần vốn góp của các thành viên nên sẽ có trách nhiệm trả lại phần vốn góp cho bà TH là 420.000.000đ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 38/2020/DS-ST ngày 18/8/2020; Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị TH, buộc vợ chồng ông Lê NH, bà Nguyễn HP phải trả cho bà Nguyễn Thị TH số tiền 420.000.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 17/9/2020 bà Nguyễn Thị TH có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc vợ chồng ông NH, bà HP phải trả khoản tiền lãi từ ngày hai bên chốt nợ là ngày 06/12/2018 cho đến ngày Tòa án cấp phúc thẩm xét xử với mức lãi suất là 0,75%/tháng.

Ngày 28/8/2020, vợ chồng ông Lê NH, bà Nguyễn HP kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị TH.

Tại phiên tòa,

Ông Lê Xuân Thanh, người đại diện theo ủy quyền của bà TH và ông Dương Đình Nam, người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông NH, bà HP vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung đề nghị không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Lê NH, bà Nguyễn HP; chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị TH; sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc vợ chồng ông NH, bà TH phải thanh toán lãi suất cho bà TH theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc bà Nguyễn Thị TH cho rằng vào năm 2017 có cho vợ chồng ông Lê NH, bà Nguyễn HP vay số tiền 870.000.000đ, hai bên xác nhận việc cho vay bằng hình thức ký hợp đồng góp vốn. Sau đó, bà đã nhiều lần yêu cầu ông NH, bà HP trả số tiền vay thì vợ chồng ông NH, bà HP mới trả được 450.000.000đ, số tiền còn lại thì bà đã đòi nhiều lần nhưng ông NH, bà HP không trả. Vì vậy nay bà TH khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông NH, bà HP phải trả số tiền 420.000.000đ cùng với lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ thời điểm chót nợ là ngày 06/12/2018 cho đến thời điểm Tòa án xét xử. Vợ chồng ông NH, bà HP cho rằng có nhận số tiền 870.000.000đ từ bà TH nhưng đây là số tiền bà TH góp vốn vào Công ty PK để cùng làm ăn chia lợi nhuận do đó bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp vốn” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Theo “Hợp đồng góp vốn số 01/HĐGV” ngày 25/6/2017 thể hiện bà Nguyễn Thị TH ký kết với bà Nguyễn HP là Giám đốc của Công ty PK để góp vốn số tiền 870.000.000đ vào Công ty với mục đích để “cùng nhau hợp tác khai thác sản phẩm của công ty và chia lợi nhuận theo nguyên tắc tổng lợi nhuận sau khi đã trừ tất cả các chi phí liên quan làm ra sản phẩm”. Việc góp vốn trên thực tế được thực hiện nhiều lần cụ thể: Ngày 16/01/2017 âm lịch giao số tiền 170.000.000đ, ngày 04/11/2017 âm lịch giao số tiền 300.000.000đ và ngày 13/11/2017 âm lịch giao số tiền 400.000.000đ.

[2.2] Bà TH cho rằng bà không góp vốn vào Công ty mà cho vợ chồng bà HP, ông NH vay tiền. Do đó ngày 30/4/2018 vợ chồng ông NH, bà HP đã trả cho bà số tiền 120.000.000đ, ngày 30/5/2018 trả tiếp số tiền 130.000.000đ và đến ngày 01/12/2018 thì vợ chồng ông NH, bà HP với bà đã thống nhất chuyển nhượng một nửa quán nhậu LC để cân trừ số tiền 200.000.000đ. Tổng cộng ông NH, bà HP đã

trả cho bà TH số tiền 450.000.000đ, số tiền còn lại là 420.000.000đ thì bà nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông NH, bà HP trả nhưng ông NH, bà HP không trả.

[3] Xét thấy, theo hợp đồng góp vốn số 01/HĐGV thì bà TH đã tự nguyện giao kết và thống nhất góp vốn vào Công ty PK để làm ăn chia lợi nhuận. Tại thời điểm ký kết thì bà TH có đầy đủ năng lực hành vi dân sự để nhận biết được hậu quả của giao dịch nói trên. Bên cạnh đó, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện những lần bà TH lấy tiền từ bị đơn đều là rút vốn. Hơn nữa, bản thân bà TH cũng thừa nhận bà có nhận được số tiền lợi nhuận từ việc kinh doanh của Công ty PK.

[4] Tuy vậy, việc góp vốn giữa các bên chỉ là thỏa thuận giữa các cá nhân bà TH và vợ chồng ông NH, bà HP chứ không phải với Công ty PK bởi lẽ Công ty PK được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào ngày 06/6/2017, vốn điều lệ 6.000.000.000đ gồm 03 thành viên là bà Nguyễn HP, ông Nguyễn HH, anh Lê CN; trong đó bà HP là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì “Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ, công ty phải thông báo bằng văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh....Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ, kèm theo thông báo phải có nghị quyết và biên bản họp của Hội đồng thành viên. Đối với trường hợp giảm vốn điều lệ, kèm theo thông báo phải có nghị quyết và biên bản họp của Hội đồng thành viên và báo cáo tài chính gần nhất”. Qua lời khai của anh Lê CN thể hiện anh chỉ là người đứng tên cùng bà HP trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chứ anh không góp vốn, không có bất cứ hoạt động làm ăn nào với tư cách thành viên Công ty; việc bà HP ký hợp đồng góp vốn và làm ăn thì không thông qua anh và anh không biết. Bên cạnh đó, ông Nguyễn HH cũng khẳng định ông có đứng tên trên Giấy chứng nhận kinh doanh nhưng ông cũng ông có bất cứ hoạt động làm ăn nào với tư cách thành viên công ty.

[5] Mặt khác, theo kết quả xác minh tại Chi cục thuế khu vực X ĐR thì Công ty PK hoạt động từ ngày 06/6/2017 đến ngày 21/12/2017 thì không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Quá trình hoạt động kinh doanh thì công ty PK chưa sử dụng hóa đơn, chưa thông báo phát hành hóa đơn với cơ quan thuế nên không xác định được thu chi tài chính của công ty. Do đó việc thu chi có liên quan đến số tiền 870.000.000đ thì cơ quan thuế không xác định được.

[6] Trong thực tế Công ty PK cũng không xuất trình được chứng từ, kế toán thể hiện đã nhập số tiền mà bà TH góp vốn vào tài khoản hoạt động của Công ty, không chứng minh được việc dùng số tiền này vào hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó việc góp tiền của bà TH có một số tiền xảy ra trước thời điểm thành lập Công ty PK; việc tính toán nợ, tiền lãi, trả nợ đều do cá nhân bà HP trực tiếp thỏa

thuận với bà TH, không có sự xác nhận, đóng dấu của Công ty PK, khi ký Hợp đồng góp vốn ngày 25/6/2017 thì ông NH cũng ký xác nhận vào Hợp đồng này.

[7] Vì vậy, có căn cứ để xác định bà TH ký hợp đồng góp vốn với vợ chồng ông NH, bà HP nhưng việc góp vốn này không tuân theo các quy định của pháp luật, các thành viên công ty không biết được việc bà TH góp vốn và Công ty không sử dụng nguồn tiền góp vốn của bà TH mà người sử dụng số tiền góp vốn nói trên là vợ chồng ông NH, bà HP. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông NH, bà HP phải trả số tiền 420.000.000đ cho bà TH là phù hợp.

[8] Đối với yêu cầu tính lãi suất với mức 0,75%/tháng tính từ ngày chốt nợ 06/12/2018 đến ngày Tòa án xét xử thì thấy rằng: Như đã phân tích ở trên, bản chất thực tế số tiền bà TH giao cho vợ chồng ông NH, bà HP thì vợ chồng ông NH, bà HP là người sử dụng. Đồng thời, theo hợp đồng hai bên đã lập và ký kết thì có thỏa thuận bà TH được quyền rút vốn bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước 15 ngày. Như vậy, sau khi vợ chồng ông NH, bà HP đã trả được một phần tiền thì bà TH và các bên đã lập văn bản chốt nợ số tiền 420.000.000đ. Khi bà TH có yêu cầu nhưng vợ chồng ông NH, bà HP đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như các bên đã thỏa thuận. Bên cạnh đó, mức lãi suất mà bà TH yêu cầu là 0,75%/tháng là phù hợp với quy định nên cần chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi phát sinh. Tuy vậy, thời điểm bà TH yêu cầu là ngày 06/12/2018 (ngày 30/10 âm lịch) là không phù hợp bởi lẽ sau khi chốt nợ các bên chưa ấn định thời gian thanh toán số tiền còn thiếu, cần xác định thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày bà TH có đơn khởi kiện ra Tòa án là ngày 17/6/2019 đến ngày Tòa án xét xử phúc thẩm vụ án là có căn cứ. Do đó, cần buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi suất là: $420.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 10 \text{ tháng } 6 \text{ ngày} = 53.550.000đ$.

[9] Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông NH, bà HP. Chấp nhận kháng cáo của bà TH để sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định là phù hợp.

[10] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên vợ chồng ông NH, bà HP phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định.

Bà TH được nhận lại số tiền tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vợ chồng ông NH, bà HP phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải thanh toán là 22.942.000đ ($20.000.000đ + 73.550.000đ \times 4\%$).

Bà TH phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận 472.500đ ($9.450.000đ \times 5\%$).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị TH.

Không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Lê NH, bà Nguyễn HP. Sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị TH về việc “Tranh chấp Hợp đồng dân sự Vay tài sản và tranh chấp Hợp đồng góp vốn” đối với vợ chồng ông Lê NH, bà Nguyễn HP.

Buộc vợ chồng ông Lê NH, bà Nguyễn HP phải trả cho bà Nguyễn Thị TH số tiền 473.550.000đ {bốn trăm bảy mươi ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng, trong đó nợ gốc là 420.000.000đ (bốn trăm hai mươi triệu đồng); nợ lãi là 53.550.000đ (năm mươi ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)}.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc bà vợ chồng ông Lê NH, bà Nguyễn HP phải chịu 22.942.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị TH phải chịu 472.500đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 11.156.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0006831 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Bà TH được nhận lại số tiền 10.683.500đ

- Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị TH không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm; bà TH được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007666 ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Vợ chồng ông Lê NH, bà Nguyễn HP phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007658 ngày 07/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông NH, bà HP đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự (06);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Châu Thạch

